| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TAM NÔNG**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 9 năm 2020
*V/v Hôn nhân và gia đình*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH PHÚ THỌ**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Đinh Thị Thu Huyền
Các hội thẩm nhân dân : 1, Ông Trần Hữu Thọ
2, Ông Nguyễn Đức Khởi
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Thúy Minh - cán bộ Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
Đại diện Viện kiểm sát huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Đinh Tiến Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2020/ TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc: "Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thị Huyền C - sinh năm 1997
Địa chỉ: xóm 11, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang( có mặt ).
- Bị đơn: anh Đỗ Văn T- sinh năm 1991
Địa chỉ: Khu 6, xã B, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ( có mặt ).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Trongđơn khởi kiện ngày 29/6/2020 và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Phạm Thị Huyền C trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Văn Tngày 21/11/2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã X( nay là xã B), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nghiện ma túy, thường xuyên đánh đập chị khiến cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt đến nay không thể hàn gắn được. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị C xác nhận chị và anh T có 01 con chung là Đỗ Bảo N, sinh ngày 06/5/2017, hiện nay đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ, cho vay, công sức: Chị C xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2, Phía bị đơn anh Đỗ Văn T trình bày: Anh nhất trí việc chị C trình bày về quan hệ hôn nhân. Anh xác nhận trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh, cuộc sống hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Nguyên nhân dẫn đến việc chị C xin ly hôn anh là do anh phạm tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy" và phải đi chấp hành án 18 tháng tù, khi anh ra trại thì chị C làm đơn xin ly hôn anh. Quá trình giải quyết vụ án anh không đồng ý ly hôn nH tại phiên tòa anh nhất trí ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh T xác nhận chị C và anhcó 01 con chung là Đỗ Bảo N, sinh ngày 06/5/2017, hiện nay đang ở cùng chị C. Quá trình giải quyết vụ án anh xin được nuôi con chung nH tại phiên tòa anh nhất trí để chị C được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con  chung, anh không cấp dưỡng nuôi con chung vì chị C tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ, cho vay, công sức: Anh T xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3, Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2020 bà Phan Thị H ( mẹ đẻ anh T) trình bày: Chị C và anh T kết hôn ngày 21/11/2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã X( nay là xã B), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị ở cùng gia đình nhà bà, anh chị mâu thuẫn với nhau khoảng hai năm nay, nguyên nhân là do anh chị mâu thuẫn với nhau, chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng ly thân từ đó, chị C không quay về nhà bà nữa. Chị C và anh T có một con chung là Đỗ Bảo N, sinh ngày 06/5/2017 do chị C nuôi dưỡng. Anh T, chị C không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay. Nay chị C làm đơn ly hôn, anh T đã sửa đổi nH chị C không chấp nhận nên bà và anh T cũng chịu.

4, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Bngày 18/8/2020 thấy rằng anh T có hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã B, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 21/11/2016 tại UBND xã X( nay là xã B), huyện T. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình anh T. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chỉn chu làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Nay chị C xin ly hôn anh T, Tòa án có gửi các giấy báo cho anh T, địa phương đều đã nhận được và giao đầy đủ cho gia đình anh T. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận ý kiến của chị C vì thực tế cuộc sống vợ chồng anh chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 55, điều 81, 82, 83  Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Huyền C và anh Đỗ Văn T.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Đỗ Bảo N, sinh ngày 06/5/2017 cho chị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị C tự nguyện không yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, công sức: Chị C, anh T xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị C phải chịu theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã B, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị C và anh T là hoàn toàn hợp pháp, được UBND xã X( nay là xã B), huyện T, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 21/11/2016. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh T được tự nguyện tìm hiểu nH thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt. Chị C cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nghiện ma túy, thường xuyên đánh đập chị khiến cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt đến nay không thể hàn gắn được. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh T. Phía anh T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh, cuộc sống hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Nguyên nhân dẫn đến việc chị C xin ly hôn anh là do anh phạm tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy" và phải đi chấp hành án 18 tháng tù, khi anh ra trại thì chị C làm đơn xin ly hôn anh. Quá trình giải quyết vụ án anh không đồng ý ly hôn nH tại phiên tòa anh nhất trí ly hôn với chị C. Vì vậy, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị C và anh T là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh T có 01 con chung là Đỗ Bảo N, sinh ngày 06/5/2017, hiện nay đang ở cùng chị C. Khi ly hôn chị C xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Phía anh T nhất trí giao cháu N cho chị C được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Vì vậy, khi ly hôn cần giao cháu N cho chị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, công sức: Chị C, anh T xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị C phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 55, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1, Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Huyền C và anh Đỗ Văn T.

2, Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Đỗ Bảo N, sinh ngày 06/5/2017 cho chị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị C tự nguyện không yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3, Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, công sức: Chị C, anh T xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4, Về án phí: Chị Phạm Thị Huyền C phải chịu 300.000đ ( Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002635 ngày 02/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

*Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự
- UBND xã B.
- Lưu HS - VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa**

***Đinh Thị Thu Huyền***